

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST

Ngày: 21-3-2019

Vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tuyết Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Trường Hoa**

2. Ông **Phạm Văn Vĩ**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Bích** – cán bộ
Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham
gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Trâm** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận
Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án kinh doanh thương
mại đã thụ lý số: 10/2018/TLST-KDTM ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc:
“Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
50/2019/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH KL**

Nơi cư trú: khu 7, LHP, phường PH, thành phố TDM, tỉnh BD.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng T** (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Đặng Đăng
K** là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV thuộc của Đoàn Luật sư thành HCM.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thái T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân TT**

Bà Nguyễn Thị L.

Nơi cư trú: Số 64, LTT, phường AC quận NK, thành phố CT.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2016 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/02/2017 nguyên đơn Công ty TNHH KL trình bày rằng: giữa Công ty TNHH KL với DNTN TT có giao dịch mua bán hàng hóa với nhau. Nguyên đơn đã bán thức ăn gia súc, gia cầm cho bị đơn rất nhiều lần. Tuy nhiên, đợt giao hàng cuối cùng, bà Nguyễn Thị L (vợ của chủ DNTN TT) có xác nhận chưa thanh toán cho Công ty TNHH KL 3100 bao cám, giá 223.500đ/bao, tổng cộng là 692.850.000 đồng và có thỏa thuận thời gian trả số tiền trên. Sau đó, từ ngày 24/08/2015 đến ngày 11/08/2016, Doanh nghiệp tư nhân TT đã thanh toán 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng cho Công ty KL. Tính đến thời điểm hiện nay, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn TT – chủ sở hữu Doanh nghiệp tư nhân TT còn nợ Công ty KL 192.850.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu tám trăm năm mươi ngàn)

Do trước đây nguyên đơn khởi kiện cá nhân bà Nguyễn Thị L đề yêu cầu trả số tiền 192.850.000 đồng nhưng bà L cố tình trốn tránh không ý trả số tiền trên và phía nguyên đơn biết được DNTN TT đã giải thể nên nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Thái T – chủ sở hữu Doanh nghiệp tư nhân TT có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH KL số tiền công nợ cho việc mua bán hàng hóa với tổng số tiền là 192.850.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu tám trăm năm mươi ngàn).

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thái T trả cho Công ty TNHH KL số tiền công nợ cho việc mua bán hàng hóa với tổng số tiền là 192.850.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu tám trăm năm mươi ngàn), không yêu cầu tính lãi suất do chậm thanh toán.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận NK trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hồ sơ giao cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian quy định. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là đúng quy định.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền còn nợ 192.850.000 đồng, tiền mua thức ăn, nguyên đơn và bị đơn không có hợp đồng mua bán, đôi bên giao dịch bằng hình thức nguyên đơn cử nhân viên đi tiếp thị, bị đơn

chấp nhận và tiến hành giao dịch trực tiếp với công ty, việc mua bán thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Trong quá trình mua bán, nguyên đơn chỉ giao dịch với Doanh nghiệp TN TT không giao dịch với cá nhân ông T, nay doanh nghiệp đã bị thu hồi giấy phép, ông T là chủ doanh nghiệp có trách nhiệm trả nợ cho Doanh nghiệp, bà L là vợ nên cũng phải có trách nhiệm liên đới trả nợ chung với ông T theo Điều 27 Luật Hôn nhân & gia đình. Hơn nữa, cả hai đã xác nhận cùng nợ Công ty KL số tiền 692.850.000đồng, giấy xác nhận cả hai không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết vì luôn vắng mặt nên xem như đã từ bỏ quyền lợi của mình theo Điều BLTTDS. Do đó, căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chưa thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn trong thời gian dài nhưng nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trên số nợ là đã có lợi cho phía bị đơn. Vì vậy, đề nghị HĐXX buộc ông T, bà L phải có trách nhiệm trả cho Công ty KL số tiền 192.850.000đ, không tính lãi suất và tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật đang tranh chấp: Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn gia súc. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, người mua hàng hóa của nguyên đơn là DNTN TT do ông Nguyễn Thanh T làm chủ doanh nghiệp tư nhân. Do DNTN Thanh T vi phạm thỏa thuận trong giao kết nên nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: vào ngày 10/11/2014, DNTN Thanh T đã bị Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Sóc Trăng thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vì vậy phía nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 20/02/2017 (bút lục 37) yêu cầu buộc chủ doanh nghiệp tư nhân TT là ông Nguyễn Thái T và vợ là bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả số tiền còn nợ lại cho nguyên đơn. Do đó, HĐXX xác định tư cách bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Thái T và bà Nguyễn Thị L. Theo xác nhận của Công an phường AC thì bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số 64, Lý Tự Trọng, phường AC, quận NK, thành phố CT. Tuy nhiên, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng nên

HĐXX tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp như biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty TNHH KL với khách hàng DNTN TT ngày 31/7/2015 (bút lục 24), bà Nguyễn Thị L có ký xác nhận như sau: *“Tôi có nợ Công ty 3100 bao cám thành tiền là 692.850.000 đồng”*, sau đó hiện Doanh nghiệp tư nhân TT đã thanh toán cho nguyên đơn bằng hình thức chuyển khoản thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam vào ngày 24/8/2015 ông Nguyễn Thái T chuyển trả 150.000.000 đồng. Ngoài ra, Doanh nghiệp tư nhân TT đã thanh toán cho nguyên đơn bằng hình thức chuyển khoản thông qua Ngân hàng TMCP Sacombank; ngày 22/9/2015 ông Nguyễn TT chuyển trả 100.000.000 đồng; ngày 05/02/2016 ông Nguyễn Thái T chuyển trả 50.000.000 đồng; 04/5/2016 ông Nguyễn Thái T chuyển trả 50.000.000 đồng và ngày 11/8/2016 ông Nguyễn Thái T chuyển trả 50.000.000 đồng; Tổng cộng DNTN Thanh T đã trả cho nguyên đơn với số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Điều này đã chứng minh giữa Công ty TNHH KL với DNTN TT có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau, việc thanh toán được thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của nguyên đơn thể hiện tại các Giấy báo có của Ngân hàng TMCP Sacombank và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam nên HĐXX xác định việc giao dịch mua bán giữa các bên là có thật, tính đến thời điểm hiện nay DNTN TT còn nợ nguyên đơn số tiền 192.850.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu tám trăm năm mươi ngàn). Tuy nhiên, DNTN TT hiện nay đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chính vì thế nguyên đơn có đơn yêu cầu chủ doanh nghiệp tư nhân TT là ông Nguyễn TT và vợ là bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả số tiền còn nợ lại cho nguyên đơn. Ngày 19/3/2019 Công an phường AC đã xác nhận bà Nguyễn Thị L là vợ của ông Nguyễn Thái T, trong việc giao dịch mua bán giữa các bên bà L cũng đã ký xác nhận nợ với nguyên đơn nên xem là giao dịch do vợ chồng cùng xác lập theo Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 do đó căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24; Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thái T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn lại là có cơ sở.

[4] Đối với ý kiến của Đại diện VKSND quận NK với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 24 và Điều 50 Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty TNHH KL**.

Buộc ông **Nguyễn Thái Tvà** bà **Nguyễn Thị L** có trách nhiệm trả cho **Công ty TNHH KL** số tiền 192.850.000 đồng (một trăm chín mươi hai triệu tám trăm năm mươi ngàn) đồng

Thời gian và cách trả do Chi cục Thi hành án dân sự quận NK giải quyết.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn không trả số tiền trên thì bị đơn phải chịu lãi suất theo Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Bị đơn phải nộp 9.642.500 đồng (Chín triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng) án phí sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.821.000 đồng (Bốn triệu tám trăm hai mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004069 ngày 22/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều;
- Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tuyết Mai